

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GC
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-01-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Mẫn;
2. Ông Trịnh Cao Nhẫn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tham gia phiên tòa: ông Phan Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 198/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Phương TH, sinh năm: 1987; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TX, xã LH, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: ấp GL 2, xã TH, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Võ Việt TR, sinh năm: 1985; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TX, xã LH, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Chị và anh TR chung sống với nhau từ năm 2012, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã LH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2012 (Quyển số 01/2012) vào ngày 09/3/2012. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm TR do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh TR sử dụng chất cấm và có hành vi bạo lực gia đình. Chị và anh TR đã ly thân từ giữa năm 2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm ngày càng

xa cách, mâu thuẫn ngày càng lớn không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh TR.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Phạm Thị Phương Th, sinh ngày 28/10/2012 và Phạm TR T, sinh ngày 24/5/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh TR cấp dưỡng nuôi con.

- Về T sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai bị đơn là anh Phạm Võ Việt TR trình bày:*

Anh và chị TH tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH vào năm 2012. Quá trình chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do chị TH ghen tuông vô cớ nên cùng 02 người con bỏ về nhà mẹ ruột ở cho đến nay, chuyển trường học cho con. Từ đó đến nay anh cũng không có đến nhà vợ để hàn gắn vì anh thấy chị TH hành xử như vậy là quá đáng. Hiện anh đang chấp hành cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tiền Giang, anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp toà án cho ly hôn anh yêu cầu nuôi 02 người con chung, không yêu cầu chị TH cấp dưỡng vì cha mẹ anh (ông bà nội của 02 con) có nghề nghiệp buôn bán thu nhập ổn định.

T sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị TH.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phạm Võ Việt TR có địa chỉ tại xã LH, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị TH xin ly hôn với anh TR, yêu cầu nuôi con chung, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 , 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị và anh TR chung sống với nhau từ năm 2012, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã LH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2012 (Quyển số 01/2012) vào ngày 09/3/2012 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị TH cho rằng trong thời gian chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng không có tiếng nói chung, anh TR sử dụng chất cấm và có hành vi bạo lực gia đình nên chị yêu cầu ly hôn, anh TR cho rằng phát sinh mâu thuẫn do chị TH ghen tuông vô cớ, anh có sử dụng chất cấm nhưng chị TH không biết, anh không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra biện pháp nào thuyết phục để hàn gắn.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị TH và anh TR đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì tình cảm phải xuất phát từ hai phía. Vợ chồng đã có thời gian ly thân với nhau nhưng chị TH và anh TR vẫn không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị TH là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị TH với anh TR.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Phạm Thị Phương Th, sinh ngày 28/10/2012 và Phạm TR T, sinh ngày 24/5/2017. Khi ly hôn chị TH và anh TR đều có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Hội đồng xét xử xét thấy việc anh TR, chị TH cùng có yêu cầu nuôi dưỡng con chung là chính đáng vì sau khi ly hôn thì cha mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên. Tuy nhiên, hiện tại hai người con chung đang sống cùng với chị TH và cháu Phương Th có nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn; qua xác nhận ở địa phương thì chị TH có công việc ổn định đủ điều kiện nuôi con, anh TR thì đang chấp hành cai nghiện không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao 02 cháu Phạm Thị Phương Th và Phạm TR T cho chị Bùi Phương TH tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị TH không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp cần thiết thì anh TR, chị TH được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

- Về T sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Chị TH phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Phương TH.

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Phương TH được ly hôn với anh Phạm Võ Việt TR.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Phương TH được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Phạm Thị Phương Th, sinh ngày 28/10/2012 và Phạm TR T, sinh ngày 24/5/2017, anh Phạm Võ Việt TR không phải cấp dưỡng nuôi con do chị TH không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp cần thiết vì lợi ích của con thì anh TR, chị TH được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Chị Bùi Phương TH phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0027638 ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị TH đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- C.C THADS TXGC;
- Các đương sự;
- UBND xã LH, TXGC
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thảo